



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: ~~48~~/TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 18 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Thiết lập mới báo hiệu hàng hải AIS “thực” và “ảo” thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số “0” vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép

VTU - 29 - 2024

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải, Sài Gòn - Vũng Tàu, Sông Dinh

Căn cứ Đơn đề nghị số 509/BQLDAH-HĐHDA5 ngày 13/6/2024 của Ban Quản lý dự án Hàng hải về việc thông báo hàng hải các báo hiệu hàng hải AIS “thực” và “ảo” Gói thầu CM-XL03: Cải tạo, nâng cấp hệ thống phao tiêu báo hiệu, thiết bị hàng hải phục vụ công tác phân luồng thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số “0” vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về việc thiết lập mới báo hiệu hàng hải AIS “thực” và “ảo” thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số “0” vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép như sau:

1. Báo hiệu hàng hải AIS “Thực”

- Vị trí thiết lập báo hiệu: Trên phao báo hiệu hàng hải thuộc luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải, Sài Gòn – Vũng Tàu, Sông Dinh.

1.1. Tọa độ địa lý:

Tên báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
Luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải				
“0”	10°16'35,55"N	107°05'12,45"E	10°16'31,87"N	107°05'18,89"E
“1”	10°17'36,00"N	107°04'48,66"E	10°17'31,92"N	107°04'55,10"E
“3”	10°18'38,21"N	107°04'07,31"E	10°18'34,54"N	107°04'13,75"E
“7”	10°21'25,28"N	107°02'56,59"E	10°21'21,60"N	107°03'03,04"E
“13”	10°26'04,38"N	107°00'52,53"E	10°26'00,71"N	107°00'58,98"E
“19”	10°28'51,90"N	106°59'47,40"E	10°28'48,23"N	106°59'53,85"E
“37”	10°34'09,98"N	107°00'54,57"E	10°33'54,90"N	107°00'59,85"E
“43”	10°37'22,44"N	106°59'50,04"E	10°37'18,77"N	106°59'56,49"E
“2”	10°17'21,28"N	107°04'26,32"E	10°17'17,61"N	107°04'32,77"E
“4”	10°18'25,33"N	107°03'43,78"E	10°18'21,66"N	107°03'50,22"E
“6”	10°19'42,68"N	107°02'53,53"E	10°19'39,01"N	107°02'59,97"E

Tên báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
“8”	10°21'20,19"N	107°02'30,50"E	10°21'16,52"N	107°02'36,95"E
“10”	10°22'37,48"N	107°02'12,50"E	10°22'33,81"N	107°02'18,95"E
"12"	10°24'48,40"N	107°01'41,38"E	10°24'44,72"N	107°01'47,83"E
“16”	10°26'58,78"N	106°59'39,34"E	10°26'55,10"N	106°59'45,78"E
“22”	10°30'14,58"N	106°59'37,72"E	10°30'10,91"N	106°59'44,17"E
“48”	10°35'31,80"N	107°01'23,61"E	10°35'16,69"N	107°01'28,89"E
“50”	10°36'19,28"N	107°00'55,02"E	10°36'15,60"N	107°01'01,47"E
Luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu				
“2”	10°24'10,40"N	107°01'42,40"E	10°24'06,73"N	107°01'48,85"E
Luồng hàng hải Sông Dinh				
“1”	10°23'49,28"N	107°02'47,97"E	10°23'45,60"N	107°02'54,42"E

1.2. Đặc tính kỹ thuật của báo hiệu:

Tên báo hiệu	Số hiệu	Số nhận dạng (MMSI)	Dải tần số hoạt động	Tần suất phát thông tin	Tầm hiệu lực (hải lý)	Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải
Luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải						
“1”	BUOY 1 VTTV	995741048	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 1
“3”	BUOY 3 VTTV	995741050	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 3
“7”	BUOY 7 VTTV	995741053	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 7
“13”	BUOY 13 VTTV	995741057	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 13
“19”	BUOY 19 VTTV	995741059	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 19
“37”	BUOY 37 VTTV	995741061	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 37
“43”	BUOY 43 VTTV	995741062	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 43
"2"	BUOY 2 VTTV	995741049	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 2
"4"	BUOY 4 VTTV	995741051	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 4
"6"	BUOY 6	995741052	161.975 -	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông



Tên báo hiệu	Số hiệu	Số nhận dạng (MMSI)	Dải tần số hoạt động	Tần suất phát thông tin	Tầm hiệu lực (hải lý)	Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải
	VTTV		162.025 MHz.			tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 6
"8"	BUOY 8 VTTV	995741054	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 8
"10"	BUOY 10 VTTV	995741055	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 10
"12"	BUOY 12 VTTV	995741056	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 12
"16"	BUOY 16 VTTV	995741058	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 16
"22"	BUOY 22 VTTV	995741060	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 22
"48"	BUOY 48 VTTV	995741063	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 48
"50"	BUOY 50 VTTV	995741064	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 50
"0"	BUOY 0 VTTV	995741047	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 0
Luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu						
"2"	BUOY 2 SGVT	995741066	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 2 SG-VT
Luồng hàng hải Sông Dinh						
"1"	BUOY 1 SD	995741065	161.975 - 162.025 MHz.	24/7	5,0	Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của phao 1 Sông Dinh

2. Báo hiệu hàng hải AIS “ảo”

- Vị trí thiết lập báo hiệu: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

2.1. Tọa độ địa lý:

Tên báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
"1"	10°17'05,69"N	107°05'07,93"E	10°16'50,91"N	107°05'13,14"E
"2"	10°17'24,28"N	107°04'41,86"E	10°17'09,50"N	107°04'47,07"E
"3"	10°16'22,17"N	101°26'36,26"E	10°17'56,46"N	107°04'29,71"E
"4"	10°19'54,76"N	107°03'02,14"E	10°19'39,94"N	107°03'07,39"E
"5"	10°19'32,91"N	107°03'30,39"E	10°19'18,09"N	107°03'35,63"E

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
- 12 Cty vận tải & cung ứng xăng dầu đường biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 17 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 18 Trường Cao đẳng hàng hải II
- 19 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 20 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 21 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 22 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 23 Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Nai
- 25 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 26 Phòng CSGT đường thủy tỉnh BR-VT
- 27 Sở GTVT, Sở NN&PTNN các tỉnh
 - Bà Rịa – Vũng Tàu
 - Đồng Nai
- 28 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 29 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 30 Ban Quản lý dự án Hàng hải